

Thứ hai, ngày 11 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Nhịp tăng tiếp diễn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/5/2020		●	
Tuần 11/5-15/5/2020		●	
Tháng 5/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Nhịp giao dịch hưng phấn tiếp tục kéo dài sang phiên thứ 04 nhờ đà tăng điểm kéo dài ở nhóm Ngân hàng (VCB, TCB) và Chứng Khoán (VND, VCI). Thanh khoản tuy giảm so với phiên trước nhưng vẫn tăng cao so với mức giao dịch trung bình của tháng trước. Biên độ giao dịch tuy thu hẹp nhưng độ rộng thị trường vẫn ở trạng thái tích cực với số mã tăng điểm áp đảo số mã bán. Các chỉ số trên không chỉ cho thấy tâm lý thị trường vẫn khá sôi động mà còn ủng hộ xu hướng tăng điểm của VN-Index. Khối ngoại trở lại trạng thái bán ròng tập chung chủ yếu vào cổ phiếu PC1 với khối lượng giao dịch đạt 23 triệu cổ phiếu. VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 860-880 trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 770 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/05/2020, hầu hết chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_4.0%

Phân tích kỹ thuật: VND_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+14.60 điểm**, đóng cửa 828.33. HNX-Index **+1.55 điểm**, đóng cửa 111.57.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+2.48); GAS(+1.86); VNM(+1.74); TCB (+1.30); VCB (+1.06).**
- Kéo chỉ số giảm: **VJC (-0.21); DHG (-0.08); PAN (-0.06); VCF (-0.03); HT1 (-0.03).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,485 tỷ đồng, giảm 30%** so với phiên tăng đột biến cuối tuần trước.
- Biên độ dao động là 15.85 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có 211 mã tăng, 71 mã tham chiếu và 99 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **428.05 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm PC1 (383.9 tỷ), VCI (89.7 tỷ) và VHM (84.7 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-27.04 tỷ đồng.**

VN-INDEX **828.33**

Giá trị: 4485.72 tỷ

14.6 (1.79%)

Khối ngoại (ròng): -428.05 tỷ

HNX-INDEX **111.57**

Giá trị: 459.71 tỷ

1.55 (1.41%)

Khối ngoại (ròng): -27.04 tỷ

UPCOM-INDEX **53.49**

Giá trị: 312.92 tỷ

0.58 (1.1%)

Khối ngoại (ròng): -24.07 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	24.2	-2.18%
Giá vàng	1,699	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	23,326	-0.28%
Tỷ giá EUR/VND	25,318	0.09%
Tỷ giá JPY/VND	21,753	-0.76%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	7.95%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-2.49%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	89.7	PC1	-415.3
VHM	64.2	SVC	-85.9
VPB	63.7	VCI	-84.6
VCB	43.0	KDH	-45.5
HPG	20.4	VIC	-40.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_4.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	4.0%	4.0%	8.2%	38.7%	-25.0%	-25.0%	15.6%
VN FinSelect	3.1%	3.1%	10.0%	26.8%	-11.4%	-11.4%	22.2%
Corona Avengers	2.9%	2.9%	7.3%	43.2%	-5.7%	-5.7%	15.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.9%	2.9%	10.1%	27.9%	-11.5%	-11.5%	17.7%
VN Diamond	2.7%	2.7%	7.5%	30.3%	-14.2%	-14.2%	22.2%
Ngân Hàng	2.7%	2.7%	9.1%	25.5%	-9.7%	-9.7%	22.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.5%	2.5%	5.5%	32.0%	-10.5%	-10.5%	22.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.4%	2.4%	6.2%	28.7%	-14.4%	-14.4%	17.7%
Hàng tiêu dùng	2.4%	2.4%	5.8%	41.6%	-8.7%	-8.7%	15.6%
Chiến tranh thương mại	2.3%	2.3%	5.5%	38.0%	-12.6%	-12.6%	17.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.2%	2.2%	8.0%	33.9%	-14.5%	-14.5%	22.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	2.0%	2.0%	8.6%	25.3%	-11.9%	-11.9%	22.2%
FTSE Việt Nam	1.8%	1.8%	8.9%	23.1%	-12.0%	-12.0%	15.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.8%	1.8%	7.4%	25.9%	-16.9%	-16.9%	22.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.6%	1.6%	4.8%	22.5%	-15.1%	-15.1%	22.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.5%	1.5%	6.2%	27.1%	-12.4%	-12.4%	17.7%
Lãi suất giảm	1.5%	1.5%	4.9%	35.1%	-10.8%	-10.8%	19.2%
Stay-at-home	1.3%	1.3%	3.0%	33.2%	-3.4%	-3.4%	22.2%
Nước & Năng lượng	0.9%	0.9%	2.4%	24.3%	-11.8%	-11.8%	22.2%
Vật liệu Xây dựng	0.6%	0.6%	4.8%	35.6%	-8.1%	-8.1%	22.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.5%	0.5%	2.5%	25.9%	-2.1%	-2.1%	15.6%
Xây dựng	0.2%	0.2%	4.5%	29.8%	-10.9%	-10.9%	22.2%
Cổ phiếu ngành Dược	0.2%	0.2%	0.7%	16.4%	-6.8%	-6.8%	17.7%

Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	2.3%	2.3%	6.6%	27.8%	-12.8%	-12.8%	21.0%
S32	2.3%	2.3%	7.6%	39.9%	-17.9%	-17.9%	22.1%
L32	2.3%	2.3%	6.5%	39.4%	-15.5%	-15.5%	20.9%
S21	2.3%	2.3%	5.4%	29.5%	-12.4%	-12.4%	19.9%
L22	2.1%	2.1%	4.4%	32.7%	-13.0%	-13.0%	19.6%
S11	1.8%	1.8%	6.9%	23.2%	-5.8%	-5.8%	18.8%
M12	1.7%	1.7%	6.7%	24.1%	-11.4%	-11.4%	19.9%
L11	1.6%	1.6%	4.6%	25.2%	-13.3%	-13.3%	17.4%
M22	1.2%	1.2%	7.7%	29.9%	-8.8%	-8.8%	18.8%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	2.6%	2.6%	6.1%	32.3%	-4.7%	-4.7%	17.4%
LOW1	1.6%	1.6%	5.8%	21.2%	-10.6%	-10.6%	17.1%
HIGH3	1.4%	1.4%	4.4%	31.8%	-6.0%	-6.0%	18.9%

INDEX							
VNINDEX	1.8%	1.8%	7.7%	25.0%	-13.8%	-13.8%	16.9%
VN30INDEX	2.2%	2.2%	8.6%	27.2%	-11.6%	-11.6%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	12	11	12	11	7	16
Mục tiêu	9	6	3	6	3	1	8
Rủi ro	3	1	2	1	2	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

VND_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: VND đang nằm trong xu hướng hồi phục sau khi xác lập mô hình 2 đáy quanh ngưỡng giá 11. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với nhịp tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng của cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại quanh ngưỡng giá 11.5, chốt lãi tại vùng giá 14-15, và cắt lỗ tại nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 11.0.



Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

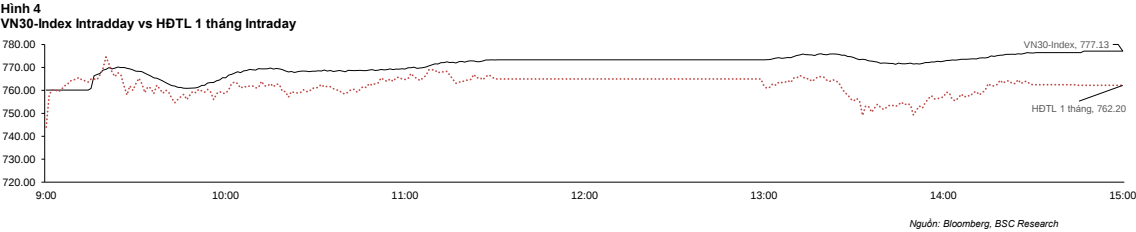
KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	762.20	2.45%	-14.93	-12.5%	241,815	5/21/2020	12
VN30F2006	753.70	2.54%	-23.43	-36.3%	1,598	6/18/2020	40
VN30F2009	745.00	2.76%	-32.13	-56.3%	259	9/17/2020	131
VN30F2012	745.50	3.04%	-31.63	-35.2%	164	12/17/2020	222

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tiếp tục tăng mạnh +16.98 điểm lên mức 777.13 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, VNM, VHM, và MSN tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giằng co quanh 760-770 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tăng tích cực lên trên 775 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức cao, VN30 có thể tiếp tục vận động tăng lên 795 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng giá kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 770 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KL.NY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2007	KIS	7/16/2020	66	1:1	8,000	n/a	2.5 triệu	33.33%	1,660	3,220	n/a	1,972.80	1.63
CVRE2004	KIS	7/16/2020	66	1:1	5,000	n/a	1.0 triệu	39.33%	1,940	1,300	n/a	434.70	2.99
CTCB2001	HSC	6/22/2020	42	2:1	504,940	52.4%	5.0 triệu	34.55%	1,700	250	92.31%	93.20	2.68
CVPB2001	HSC	6/22/2020	42	2:1	858,940	-11.5%	5.0 triệu	41.60%	1,500	2,020	39.31%	2,166.20	0.93
CVPB2003	VCS	7/22/2020	72	1:1	283,720	152.6%	1.5 triệu	41.60%	2,200	1,990	24.38%	3,084.80	0.65
CHPG2001	HSC	6/30/2020	50	2:1	367,150	40.5%	5.0 triệu	33.33%	1,800	1,010	12.22%	614.40	1.64
CMBB2001	HSC	6/22/2020	42	2:1	605,950	52.8%	5.0 triệu	32.68%	1,600	100	11.11%	9.70	10.31
CMSN2001	KIS	12/16/2020	219	5:1	83,060	204.1%	2.0 triệu	33.00%	2,300	2,260	10.78%	1,209.70	1.87
CHPG2004	SSI	6/15/2020	35	1:1	273,480	38.6%	5.0 triệu	33.33%	2,800	1,570	8.28%	1,277.80	1.23
CHDB2003	KIS	12/16/2020	219	2:1	110,180	129.5%	2.0 triệu	34.98%	2,700	950	7.95%	200.10	4.75
CMBB2002	SSI	8/10/2020	91	1:1	64,740	52.4%	3.0 triệu	32.68%	1,300	1,250	7.76%	698.60	1.79
CVIC1903	KIS	5/15/2020	4	10:1	440,680	188.1%	4.0 triệu	30.27%	1,430	10	0.00%	-	-
CMSN1902	KIS	5/15/2020	4	5:1	565,900	121.5%	2.0 triệu	33.00%	1,640	10	0.00%	-	-
CVRE2002	HSC	6/22/2020	42	4:1	175,660	80.0%	5.0 triệu	39.33%	1,400	60	0.00%	18.40	3.26
CROS2001	KIS	6/19/2020	39	4:1	637,820	24.7%	10.0 triệu	62.70%	1,500	30	0.00%	-	-
CMWG2005	VND	10/1/2020	143	2:1	89,220	46.7%	1.0 triệu	38.36%	2,500	7,030	-5.26%	2,993.70	2.35
CFPT2001	HSC	6/22/2020	42	5:1	168,990	97.7%	5.0 triệu	31.89%	1,600	530	-5.36%	322.80	1.64
CFPT2004	SSI	8/10/2020	91	1:1	26,630	22.7%	2.0 triệu	31.89%	5,100	7,770	-7.94%	6,071.40	1.28
CVIC2001	KIS	12/16/2020	219	5:1	22,270	2083.3%	2.0 triệu	30.27%	2,700	1,920	-9.43%	435.70	4.41
CDPM2001	KIS	6/19/2020	39	2:1	45,770	1266.3%	2.0 triệu	37.34%	1,000	1,000	-18.70%	207.60	4.82
CGMD2001	HSC	6/22/2020	42	4:1	221,290	59.8%	5.0 triệu	31.84%	1,000	30	-25.00%	1.20	25.00
CVRE1903	KIS	5/15/2020	4	2:1	713,730	6576.6%	4.0 triệu	39.33%	2,700	10	-50.00%	-	-
CTCB2002	SSI	5/14/2020	3	1:1	328,120	58.0%	3.0 triệu	34.55%	2,500	10	-50.00%	0.70	14.29
Tổng:					6,601,240		82.00 triệu	36.14%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất			CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%			Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
					**Trung bình độ lệch chuẩn			*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 11/05/2020, hầu hết chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá.

- Về giá, CHPG2007 và CVPB2001 tăng mạnh lần lượt là 65.98% và 39.31%. Trái lại, CVRE2004 và CDPM2001 giảm mạnh lần lượt là -31.22% và -18.70%.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG2005 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	20.20	6.88	3.88
VPB	24.10	5.70	2.91
VNM	108.50	3.33	2.59
VHM	73.50	3.67	1.33
MSN	63.10	3.44	1.29

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	118.6	-1.17	-0.48
ROS	3.5	-1.41	-0.02
VIC	97.5	0.00	0.00
SBT	14.8	0.34	0.02
REE	30.7	0.33	0.02

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.0	1.4%	1.2	1,673	4.6	8,808	9.7	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.7	2.6%	1.3	585	3.2	5,248	11.4	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	48.2	0.5%	1.3	1,554	1.9	1,168	41.2	1.9	28.7%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.4	-0.3%	0.5	295	0.0	2,092	14.5	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	97.5	0.0%	0.9	14,339	5.7	2,095	46.5	4.1	14.1%	10.6%
VRE	Bất động sản	25.5	0.6%	1.1	2,514	3.9	1,226	20.8	2.1	31.3%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.0	0.2%	0.8	2,276	2.0	3,584	15.1	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	30.7	0.3%	0.8	414	0.5	4,976	6.2	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	10.2	4.3%	1.4	230	1.4	2,289	4.5	0.8	39.6%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.2	4.8%	1.3	370	3.8	1,415	10.0	0.8	50.8%	7.8%
VCI	Chứng khoán	21.0	6.9%	1.0	150	0.7	4,240	5.0	0.9	33.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.2	5.5%	1.7	242	2.5	1,480	12.3	1.3	54.3%	12.0%
FPT	Công nghệ	54.0	0.6%	0.8	1,600	5.0	4,804	11.2	2.5	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.5	0.6%	0.4	525	0.0	4,812	10.1	2.6	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.0	4.9%	1.4	6,075	3.4	5,820	12.5	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	44.3	1.1%	1.5	2,294	2.6	869	51.0	2.8	13.1%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.7	5.0%	1.5	264	5.1	1,777	7.1	0.5	13.8%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.3	3.3%	0.8	849	2.1	898	7.0	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	94.0	-2.1%	0.5	534	0.1	5,046	18.6	3.5	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.9	0.4%	0.6	236	1.3	1,006	13.8	0.7	14.6%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.0	-0.1%	0.5	183	0.4	415	19.2	0.7	1.8%	3.7%
VCB	Ngân hàng	74.5	1.4%	1.2	12,014	5.5	4,848	15.4	3.3	23.5%	22.8%
BID	Ngân hàng	38.5	1.3%	1.5	6,733	2.0	2,140	18.0	2.0	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	21.3	1.7%	1.2	3,440	7.1	2,510	8.5	1.0	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.1	5.7%	1.2	2,554	8.8	3,750	6.4	1.3	22.8%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.8	1.2%	1.1	1,761	10.1	3,398	4.9	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	21.7	1.4%	1.0	1,569	3.8	3,780	5.7	1.2	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	45.0	1.0%	0.8	160	0.3	5,303	8.5	1.4	79.1%	17.0%
NTP	Nhựa	33.5	0.6%	0.4	143	0.1	4,208	8.0	1.3	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	-1.3%	0.6	632	0.0	356	41.3	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	24.0	2.4%	1.1	2,875	7.5	2,764	8.7	1.3	36.7%	17.4%
HSG	Thép	7.9	1.0%	1.6	152	2.9	1,491	5.3	0.6	17.6%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	108.5	3.3%	0.7	8,215	8.3	5,453	19.9	6.3	58.4%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	173.1	0.6%	0.8	4,826	0.8	6,719	25.8	6.4	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	63.1	3.4%	1.0	3,207	4.9	3,961	15.9	1.7	36.0%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.8	0.3%	0.8	378	1.4	141	105.2	1.2	5.7%	1.4%
ACV	Vận tải	58.2	1.2%	0.8	5,509	0.9	3,450	16.9	3.5	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	118.6	-1.2%	1.1	2,701	2.1	7,110	16.7	4.2	18.7%	26.3%
HVN	Vận tải	26.9	-0.2%	1.7	1,659	1.1	1,654	16.3	2.1	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	19.0	4.4%	0.9	245	0.6	1,583	12.0	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.5	3.4%	1.0	128	1.2	2,117	5.0	0.7	25.6%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.3	2.4%	1.0	441	1.3	9,201	7.1	3.1	2.5%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.1	-1.2%	0.7	333	0.1	1,453	11.8	1.2	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	-1.8%	1.0	225	0.1	1,938	7.0	0.9	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	66.3	1.2%	1.2	220	0.8	8,032	8.3	0.6	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.4	0.0%	0.4	488	0.1	1,498	17.0	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.7	0.0%	0.4	205	0.6	1,775	11.1	0.9	45.6%	8.5%
POW	Điện	10.2	0.5%	0.6	1,033	3.0	1,028	9.9	0.9	11.5%	9.4%
NT2	Điện	20.1	0.2%	0.5	252	0.3	2,543	7.9	1.3	17.6%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	73.50	3.67	2.49	2.79MLN
GAS	73.00	4.89	1.86	1.08MLN
VNM	108.50	3.33	1.74	1.79MLN
TCB	20.20	6.88	1.30	4.77MLN
VCB	74.50	1.36	1.06	1.70MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	0.00	-0.22	404180.00	1.11MLN
DHG	0.00	-0.08	35220.00	607060.00
PAN	0.00	-0.06	26320.00	373600.00
VCF	0.00	-0.03	1260.00	192700.00
HT1	0.00	-0.03	253120.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGT	4.28	7.00	0.01	3430.00
TTB	3.21	7.00	0.00	569880.00
PXS	3.98	6.99	0.00	164210.00
HNG	13.80	6.98	0.29	2.94MLN
TCL	20.00	6.95	0.01	209310.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTA	4.41	-6.96	0.00	16560.00
MCP	13.40	-6.94	0.00	50.00
TCO	8.61	-6.92	0.00	10.00
HAS	6.50	-6.88	0.00	1500.00
DTL	15.60	-6.87	-0.02	320.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	17.50	2.94	0.67	2.11MLN
ACB	21.70	1.40	0.49	4.11MLN
PVS	12.70	4.96	0.15	9.33MLN
VCS	65.30	2.35	0.05	464100.00
VIF	18.30	5.78	0.04	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	8.00	-2.44	-0.08	2.05MLN
DL1	13.20	-9.59	-0.07	200.00
LAS	5.70	-5.00	-0.01	574900.00
IDJ	14.20	-2.07	-0.01	329900.00
ART	2.50	-3.85	-0.01	1.40MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

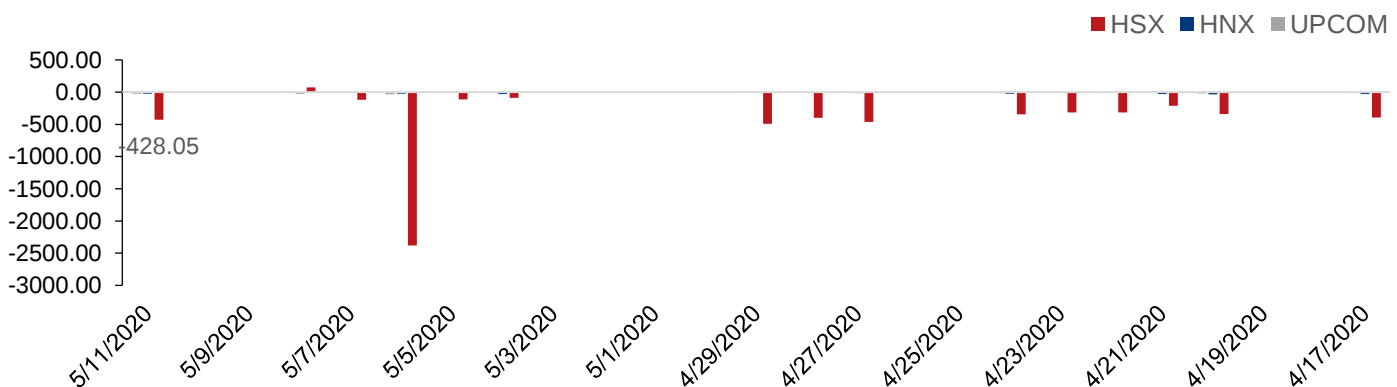
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FID	0.90	12.5	0.00	1300.00
PVX	0.90	12.5	0.02	2.79MLN
SPI	0.90	12.5	0.00	45500.00
VIG	0.90	12.5	0.00	400900.00
PJC	27.50	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.60	-14.29	0.00	153800.00
KVC	0.80	-11.11	-0.01	183900.00
ALT	11.80	-9.92	0.00	5400.00
VE4	7.30	-9.88	0.00	100.00
SD5	4.60	-9.80	-0.01	22500.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
6	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
10	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
11	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	44.7	3,887	11.5	2.3	Click
2	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	54.0	4,804	11.2	2.5	Click
3	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.0	1,583	12.0	0.9	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	21.7	3,780	5.7	1.2	Click
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.1	1,880	7.0	0.6	Click
6	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	173.1	6,719	25.8	6.4	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	21.4	1,782	12.0	1.5	Click
8	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	108.5	5,453	19.9	6.3	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.3	1,781	6.9	0.7	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	85.0	8,808	9.7	2.9	Click
11	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	32.7	6,553	5.0	1.2	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	54.0	4,804	11.2	2.5	Click
13	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	19.8	2,282	8.7	1.4	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	27.4	4,465	6.1	1.2	Click
15	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	94.0	5,046	18.6	3.5	Click
16	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	23.2	4,313	5.4	1.1	Click
17	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	59.7	5,248	11.4	2.7	Click
18	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.5	2,117	5.0	0.7	Click
19	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	181.0	14,782	12.2	5.0	Click
20	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	10.4	0	14.8	0.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express VHC 2020Q2	20/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI Kế hoạch kinh doanh 2020 (2 kịch bản) Đối với kịch bản tích cực, doanh thu và LNST đạt 8,600 tỷ (+9.3% YoY) và 1,063 tỷ (-9.8% YoY). Đối với kịch bản tiêu cực, doanh thu và LNST đạt 6,450 tỷ (-18% YoY) và 800 tỷ (-32.1% YoY). VHC kỳ vọng sản lượng +15%, ASP giảm làm tổng DT +10% Capex 2020: dự kiến 580 tỷ; Trại cá giống + Mở rộng Collagen (T8.20) + NM dầu cá (205 tỷ); kho lạnh Vĩnh Phước (160 tỷ), xây/cải tạo vùng nuôi (30 tỷ). Bối cảnh chung 2020 tiếp tục là một năm ngành cá tra điều chỉnh sau 2 năm (2017 – 2018) tăng nóng: sản lượng tăng và ASP trung bình năm giảm (1H: ASP thấp; 2H: ASP cải thiện). Tỷ giá có thể biến động ko ổn định trong 2020.
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 60000; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài, ... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
Express FPT 2020Q2	8/4/2020	Khuyến nghị MUA Kế hoạch kinh doanh 2020 FPT đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 32,450 tỷ đồng (+17% YoY) và 5,510 tỷ đồng (+18% YoY). Liên quan đến nCoV: (1) Cắt giảm chi phí sản xuất (giảm đầu tư ngắn hạn, các chi phí không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh); duy trì các chi phí tạo ra doanh số, hợp đồng trực tiếp. Hiện tại, giá bán của FPT đang tiệm cận các đối thủ khác, việc cắt giảm chi phí đúng lúc sẽ tạo ra thể mạnh cho FPT; (2) Đặt ra các tình huống khác nhau (các kịch bản kinh doanh khác nhau) tùy theo tình hình dịch bệnh và bám sát hoạt động kinh doanh theo quý, nhưng xác suất điều chỉnh kịch bản kinh doanh 2020 là khá cao. Hiện tại, KHKD Q2 phải giảm 15% so với KHKD ban đầu (dự kiến tuy không suy giảm nhưng ghi nhận mức tăng trưởng nhẹ); (3) Thay đổi cách thức bán hàng từ offline sang online: Xuất khẩu phần mềm: call conference đến các lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp thay vì gặp mặt trực tiếp, Viễn thông: đẩy mạnh bán hàng online, kênh xã hội thay vì door – to – door, Giáo dục: Cung cấp hình thức dạy trực tuyến, Chuyển đổi công nghệ số từ offline sang online là thay đổi lớn nhất; (4) Tăng cường thu hồi công nợ từ các khoản nợ khó đòi.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 125000; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fw = 18.1x, PB fw = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quý.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn